



Tên thực phẩm	Lượng TP sạch (g)	Năng lượng (Kcal)	Protein		Lipit (g)		Ca	B1	Thực phẩm cần mua 1 suất (g)	Thực phẩm ăn trong ngày (g)	Đơn giá	Số tiền
			P(ĐV)	P(TV)	L (ĐV)	L(TV)						
<b>BỮA PHỤ</b>												
Sữa bột Nuvi Grow	4084.62	19892.08	796.50		947.63		27775.38	2.25	17.3	4084.6	260.000	1,062,000
Miến dong	3776.0	12536.3		22.66		3.776	1510.40	0.000	16	3776	60.000	226,560
Thịt gà tây	5983.29	13043.6	1202.64		915.44		1435.99	3.590	25	5983	85.000	508,580
Rau cải cúc	15.340	2.148		0.245			9.664	0.002	10	2360	24.000	56,640
Rau cải thìa	1770.0	300.90		24.78		3.54	885.00	0.18	10	2360	18.000	42,480
Hành khô	37.76	8.31		0.49			30.21	0.011	0.2	47.2	35.000	1,652
Dầu cá rancee	1180	10620.00	0.00		826.00	354	23.60	0.236	5	1180	69.000	81,420
Nước mắm	472	618.32	154.82				1826.64	0.425	2	472	55.000	25,960
Muối i ớt	118						177.00		0.5	118	6.000	708
<b>Năng lượng bữa phụ buổi chiều</b>	<b>57,022</b>		<b>2153.96</b>	<b>48.17</b>	<b>2689.07</b>	<b>361.32</b>	<b>33673.89</b>	<b>6.69</b>				<b>2,006,000</b>
<b>Năng lượng bữa phụ buổi chiều/ trẻ theo khuyến nghị</b>	185	330										
<b>% năng lượng bữa phụ buổi chiều</b>	Thực đạt	18%										
	Dự kiến	15%-25%										
<b>Khẩu phần cả ngày tại trường của trẻ MG đạt được</b>	<b>163191</b>		5095.31	1857.74	4481.06	936.85	48752.39	248.84				
			<b>6,953.05</b>		<b>5,417.91</b>		<b>48,752.39</b>	<b>248.84</b>			<b>4,838,000</b>	
<b>Khẩu phần của trẻ cả ngày tại trường theo khuyến nghị</b>	<b>615</b>	<b>726</b>	<b>13-20%</b>		<b>25-35%</b>		<b>141600</b>	<b>122.7</b>				
			>_ 60%		>_ 70%							
<b>Tỉ lệ các chất theo cơ cấu đạt được</b>			73%	27%	83%	17%	34%	203%				
		<b>100%</b>	<b>17%</b>		<b>29%</b>							

**Nhận xét:**

Khẩu phần năng lượng (Kcal) đảm bảo so với nhu cầu khuyến nghị, các món ăn đa dạng phong phú

Các chất cung cấp năng lượng khẩu phần (P:L:G) đảm bảo nhu cầu khuyến nghị

\* Nhu cầu Caxi đạt tỷ lệ 38 % so với nhu cầu khuyến nghị thiếu, chưa đảm bảo

\* Nhu cầu B1 đạt tỷ lệ 203% nhu cầu khuyến nghị so với nhu cầu khuyến thừa

**NGƯỜI LẬP**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Phương Thảo**

**Trần Thị Dự**



Tên thực phẩm	Lượng TP sạch (g)	Năng lượng (Kcal)	Protein		Lipit (g)		Ca	B1	Thực phẩm cần mua 1 suất (g)	Thực phẩm ăn trong ngày (g)	Đơn giá	Số tiền
			P(ĐV)	P(TV)	L(ĐV)	L(TV)						
<b>BỮA PHỤ</b>												
Chuối tây	18615	10424		2029.00		55.84	2233.76	7.45	109	25326	23.000	582,500
Gạo nếp	8155	28053.20		701.33		81.55	2446.5	8.155	35	8155	30.000	244,650
Thịt lợn nạc	6747.2	9378.59	1281.97		472.30		472.30	60.72	30	6885	133.000	915,690
Đậu xanh ( hạt )	2027.10	1885.20		40.54		2.03	202.71	2.03	10	2330	50.000	116,500
Hành khô	37.28	8.20		0.48			29.824	0.011	0.2	46.6	35.000	1,631
Đầu cá rancee	1165	10485.00	0.00		815.50	349.5	23.30	0.233	5	1165	69.000	80,385
Nước mắm	699	915.69	229.27				2705.13	0.629	3	699	55.000	38,445
Muối i ớt	116.5						174.75		1	117	6.000	699
<b>Năng lượng bữa phụ buổi chiều</b>		<b>61,150</b>	<b>1,511</b>	<b>2,771</b>	<b>1,288</b>	<b>489</b>	<b>8,288</b>	<b>79</b>				<b>1,980,500</b>
<b>Năng lượng bữa phụ buổi chiều/ trẻ theo khuyến nghị</b>	185	330										
<b>% năng lượng bữa phụ buổi chiều</b>	Thực đạt	20%										
	Dự kiến	15%-25%										
<b>Khẩu phần cả ngày tại trường của trẻ MG đạt được</b>	<b>173506</b>		3704.52	4429.04	4585.25	1048.16	19473.62	158.40				
			<b>8,133.56</b>		<b>5,633.41</b>		<b>19,473.62</b>	<b>158.40</b>				
<b>Khẩu phần của trẻ cả ngày tại trường theo khuyến nghị</b>	<b>615</b>	<b>726</b>	<b>13-20%</b>		<b>25-35%</b>		<b>139800</b>	<b>121.2</b>				
				>_ 60%		>_ 70%						
<b>Tỉ lệ các chất theo cơ cấu đạt được</b>		<b>100%</b>	<b>12%</b>		<b>19%</b>							<b>4,776,500</b>
				46%	54%	81%	19%	14%	131%			

---

**Nhận xét:**

Khẩu phần năng lượng (Kcal) đảm bảo so với nhu cầu khuyến nghị, các món ăn đa dạng phong phú

Các chất cung cấp năng lượng khẩu phần (P:L:G) đảm bảo nhu cầu khuyến nghị

\* Nhu cầu Caxi đạt tỷ lệ 14% so với nhu cầu khuyến nghị thiếu, chưa đảm bảo

\* Nhu cầu B1 đạt tỷ lệ 133% so với nhu cầu khuyến nghị, chưa đảm bảo

**NGƯỜI LẬP**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Phương Thảo**

**Trần Thị Dự**



Tên thực phẩm	Lượng TP sạch (g)	Năng lượng (Kcal)	Protein		Lipit (g)		Ca	B1	Thực phẩm cần mua 1 suất (g)	Thực phẩm ăn trong ngày (g)	Đơn giá	Số tiền
			P(ĐV)	P(TV)	L(ĐV)	L(TV)						
<b>BỮA PHỤ</b>												
Sữa bột Nuvi Grow	4015.38	19554.92	783.00		931.57		27304.62	2.21	17.3	4015.4	260.000	1,044,000
Gạo nếp	4640	15961.60		399.04		46.4	1392	4.640	20	4640	30.000	139,200
Thịt vịt	4034.5	10772.06	718.14		879.52		524.48	2.824	17	4034	100.000	403,448
Cà rốt	2,076.4	809.80		31.15		4.15			10	2320	17.000	39,440
Đậu xanh (hạt )	2018	1877.11		40.37		2.018	201.84	2.018	10	2320	50.000	116,000
Hạt sen	696.00	2324.64		139.20		16.704	619.44	4.454	3	696	190.000	132,240
Hành lá xanh	0.80	0.18		0.01		0.00	0.64	0.00	1	232	25.000	5,800
Hành khô	37.12	8.17		0.48			29.696	0.011	0.2	46.4	35.000	1,624
Dầu cá rancee	928	8352.00	0.00		649.60	278.4	18.56	0.186	4	928	69.000	64,032
Nước mắm	464	607.84	152.19				1795.68	0.418	2	464	55.000	25,520
Muối i ốt	116						174		1	116	6.000	696
<b>Năng lượng bữa phụ buổi chiều</b>		<b>60,268</b>	<b>1,653</b>	<b>610</b>	<b>2,461</b>	<b>348</b>	<b>32,061</b>	<b>17</b>	<b>85.4</b>	<b>19,812.3</b>	<b>837.0</b>	<b>1,972,000</b>
<b>Năng lượng bữa phụ buổi chiều/ trẻ theo khuyến nghị</b>	185	330										
<b>% năng lượng bữa phụ buổi chiều</b>	Thực đạt	20%										
	Dự kiến	15%-25%										
<b>Khẩu phần cả ngày tại trường của trẻ MG đạt được</b>	<b>175869</b>		5614.07	2757.09	4854.02	1064.27	46059.65	59.28				
			<b>8,371.16</b>		<b>5,918.29</b>		<b>46,059.65</b>	<b>59.28</b>				
<b>Khẩu phần của trẻ cả ngày tại trường theo khuyến nghị</b>	<b>615</b>	<b>726</b>	<b>13-20%</b>		<b>25-35%</b>		<b>139200</b>	<b>120.6</b>				
			>_ 60%		>_ 70%							
<b>Tỉ lệ các chất theo cơ cấu đạt được</b>			67%	33%	82%	18%	33%	49%				<b>4,756,000</b>
		<b>100%</b>	<b>19%</b>		<b>29%</b>							

---

**Nhận xét:**

Khẩu phần năng lượng (Kcal) hơi cao hơn so với nhu cầu khuyến nghị, các món ăn đa dạng phong phú

Các chất cung cấp năng lượng khẩu phần (P:L:G) đảm bảo nhu cầu khuyến nghị

\* Nhu cầu Caxi đạt tỷ lệ 33 % so với nhu cầu khuyến nghị thiếu, chưa đảm bảo

\* Nhu cầu B1 đạt tỷ lệ 49% nhu cầu khuyến nghị so với nhu cầu khuyến nghị thừa

**NGƯỜI LẬP**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Phương Thảo**

**Trần Thị Dự**



Tên thực phẩm	Lượng TP sạch (g)	Năng lượng (Kcal)	Protein		Lipit (g)		Ca	B1	Thực phẩm cần mua 1 suất (g)	Thực phẩm ăn trong ngày (g)	Đơn giá	Số tiền
			P(ĐV)	P(TV)	L (ĐV)	L(TV)						
<b>BỮA PHỤ</b>												
Sữa bột Nuvi Grow	1211.54	5900.19	236.25		281.08		8238.46	0.67	17.3	1211.5	260.000	315,000
Mì gạo khô	2100	6195.00		84		16.8	336	0.210	30	2100	32.000	67,200
Thịt bò loại 1	580	1265.07	121.86		22.05		69.637	0.580	8	592	270.000	159,880
Rau cải thìa	1050	178.50		14.70		2.10	525.00	1.05	20	1400	18.000	25,200
Hành khô	11.20	2.46		0.146			8.96	0.003	0.2	14.0	35.000	490
Đầu cá rancee	280	2520.00	0.00		196.00	84	5.60	0.056	4	280	69.000	19,320
Nước mắm	140	183.40	45.92				541.8	0.126	2	140	55.000	7,700
Muối i ốt	35						52.5		1	35	6.000	210
<b>Năng lượng bữa phụ buổi chiều</b>		<b>16,245</b>	<b>404</b>	<b>99</b>	<b>499</b>	<b>103</b>	<b>9,778</b>	<b>2.69</b>				<b>595,000</b>
<b>Năng lượng bữa phụ buổi chiều/ trẻ theo khuyến nghị</b>	185	330										
% năng lượng bữa phụ buổi chiều	Thực đạt	18%										
	Dự kiến	15%-25%										
<b>Khẩu phần cả ngày tại trường của trẻ MG đạt được</b>	<b>50578</b>		1342.62	688.55	1382.80	277.72	14405.28	36.74				
			<b>2,031.17</b>		<b>1,660.52</b>		<b>14,405.28</b>	<b>36.74</b>				
<b>Khẩu phần của trẻ cả ngày tại trường theo khuyến nghị</b>	<b>615</b>	<b>726</b>	<b>13-20%</b>		<b>25-35%</b>		<b>42000</b>	<b>36.4</b>				
			>_ 60%		>_ 70%							
<b>Tỉ lệ các chất theo cơ cấu đạt được</b>			66%	34%	83%	17%	34%	101%				<b>1,435,000</b>
		<b>100%</b>	<b>17%</b>		<b>31%</b>							

**Nhận xét:**

Khẩu phần năng lượng (Kcal) đảm bảo so với nhu cầu khuyến nghị, các món ăn đa dạng phong phú

Các chất cung cấp năng lượng khẩu phần (P:L:G) đảm bảo nhu cầu khuyến nghị

\* Nhu cầu Caxi đạt tỷ lệ 34% so với nhu cầu khuyến nghị thiếu, chưa đảm bảo

\* Nhu cầu B1 đạt tỷ lệ 101% so với nhu cầu khuyến nghị thiếu, chưa đảm bảo

**NGƯỜI LẬP**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Phương Thảo**

**Trần Thị Dự**